

Số: ~~464~~ /QĐ-BVĐK

Lào Cai, ngày 13 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt sửa đổi, điều chỉnh (lần 2) E-HSMT gói thầu:

Gói thầu số 01: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA SỐ 1 TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-BVĐK ngày 25/9/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai: Quyết định số 404/QĐ- BVĐK ngày 01/10/2025 về việc phê duyệt E-HSMT; Quyết định số 415/QĐ-BVĐK ngày 02/10/2025 về việc phê duyệt sửa đổi, điều chỉnh E-HSMT gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 11/10/2025 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt sửa đổi, điều chỉnh E-HSMT gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025, kèm theo dự thảo E-HSMT sửa đổi;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 13/10/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn và thương mại dịch vụ HLD về việc thẩm định E-HSMT sửa đổi, điều chỉnh gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, điều chỉnh E-HSMT Gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai năm 2025 với nội dung sau:

Sửa đổi Yêu cầu về thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu của hàng hóa tại chương 5 E-HSMT (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*)

Các nội dung khác của E-HSMT tại Quyết định số 404/QĐ-BVĐK ngày 01/10/2025 và Quyết định số 415/QĐ-BVĐK ngày 02/10/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt E-HSMT giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 2. Căn cứ nội dung sửa đổi, điều chỉnh E-HSMT ở điều 1, Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai; Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư công nghệ Đức Trí; Công ty Cổ phần tư vấn và thương mại dịch vụ HLD có trách nhiệm triển khai điều chỉnh, bổ sung nội dung E-HSMT theo đúng quy định của Luật đấu thầu và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Thiết bị y tế của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai; Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư công nghệ Đức Trí; Công ty Cổ phần tư vấn và thương mại dịch vụ HLD chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *H*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, TBYT.



Trần Lan Anh

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số ~~464~~/QĐ-BVĐK ngày 13/10/2025
của Bệnh viện Đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai)

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|--|--|
| 1 | Tên thiết bị: Khoan xương (Máy khoan xương phẫu thuật chấn thương chỉnh hình) | |
| | I. Yêu cầu chung: Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz hoặc tương đương | I. Yêu cầu chung: Nguồn điện sử dụng: Sử dụng năng lượng pin |
| | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: |
| | Bàn sạc pin: - Sạc đồng thời ≥ 3 pin, có chức năng sạc nhanh ≤ 30 phút để sạc không cần xả trước | Bàn sạc pin: - Sạc đồng thời ≥ 4 pin |
| | Ngàm khoan 3 châu: độ mở 6,35 mm, tối thiểu có: - Khoan dao động: Tần số dao động tối đa ≥ 750 chu kỳ/phút. Góc dao động 270 độ - Cannular đường kính 5mm (± 2 mm) - Kèm chìa khóa lắp mũi khoan. Có thể tiệt trùng bằng hấp ẩm. | Ngàm khoan 3 châu: độ mở 0,5 đến 7,4mm, tối thiểu có: - Khoan dao động: Tần số dao động tối đa ≥ 1350 vòng/phút. - Cannular đường kính 4,4mm - Kèm chìa khóa lắp mũi khoan. Có thể tiệt trùng bằng hấp ẩm. |
| | - Chức năng: Chế độ Drill (khoan): Tốc độ có khoảng điều tốc ≥ 1.000 vòng/ phút; Mô men lực $\geq 3,5$ N/m. + Chế độ Ream (Dao): Tốc độ có khoảng điều tốc ≥ 250 vòng/ phút; Mô men lực ≥ 15 N/m + Bắt vít chiều thuận: Tốc độ có khoảng điều tốc ≥ 250 vòng/phút; mô men lực có khoảng điều chỉnh ≤ 3 N/m + Bắt vít chiều nghịch (tháo vít): Tốc độ có khoảng điều tốc ≥ 250 vòng/phút; Mô men lực ≤ 4 N/m | - Chức năng: + Chế độ Drill (khoan): Tốc độ có khoảng điều tốc từ 0 đến 1.350 vòng/ phút + Chế độ Ream (Dao): Tốc độ có khoảng điều tốc từ 0 đến 330 vòng/phút; Mô men lực ≥ 15 N/m + Bắt vít chiều thuận: Tốc độ có khoảng điều tốc từ 0 đến 650 vòng/ phút + Bắt vít chiều nghịch (tháo vít): Tốc độ có khoảng điều tốc từ 0 đến 650 vòng/ phút |

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|--|--|
| | + Taro: Tốc độ có khoảng điều tốc ≥ 250 vòng/ phút | + Taro: Tốc độ có khoảng điều tốc từ 0 đến 650 vòng/ phút |
| | Ngàm cưa lắc ngang: - Góc dao động $\leq 5^\circ$ - Tần số dao động tối đa ≥ 12.000 chu kỳ/ phút (khoảng 258 Hz) - Có thể tiết trùng bằng hấp ẩm - Chức năng cưa với đầu cưa lắc: Tần số dao động tối đa ≥ 15.500 chu kỳ/phút; Góc dao động $\leq 5^\circ$ | Ngàm cưa lắc ngang: - Tần số dao động tối đa ≥ 13.500 chu kỳ/ phút - Có thể tiết trùng bằng hấp ẩm - Chức năng cưa với đầu cưa lắc: Tần số dao động tối đa ≥ 13.500 chu kỳ/phút |
| 6 | Tên thiết bị: Máy thở (Máy thở xâm nhập nhi khoa) | |
| | II. Yêu cầu cấu hình Bộ đo SpO2 chuẩn Masimo: 01 bộ | II. Yêu cầu cấu hình - Bộ đo SpO2: 01 bộ |
| 10 | Tên thiết bị: Bơm tiêm điện | |
| | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: 2. Thông số kỹ thuật - Dải tốc độ truyền: $\leq 0.1 - \geq 1200$ ml/h - Các chế độ truyền: - Chế độ truyền theo thể tích (ml): $\leq 0.1 - \geq 999$ ml - Bơm nhanh (Bolus): $\leq 0.1 - \geq 1200$ ml/h - Chế độ giữ ven (KVO) với tốc độ điều chỉnh được trong khoảng 0.1ml/h ≥ 3 ml/h - Có chế độ tạm dừng - Có danh sách tên thuốc 3. Chức năng an toàn: - Chế độ cài đặt áp lực: có thể cài đặt từ $\leq 50 - \geq 900$ mmHg | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: 2. Thông số kỹ thuật - Dải tốc độ truyền: $\leq 0.1 - \geq 1200$ ml/h - Các chế độ truyền: - Chế độ truyền theo thể tích (ml): $\leq 0.1 - \geq 999$ ml - Bơm nhanh (Bolus): $\leq 0.1 - \geq 1200$ ml/h - Chế độ giữ ven (KVO) với tốc độ điều chỉnh được trong khoảng 0.1ml/h ≥ 3 ml/h 3. Chức năng an toàn: - Chế độ cài đặt áp lực: có thể cài đặt từ $\leq 75 - \geq 900$ mmHg |
| 11 | Tên thiết bị: Hệ thống CT Scanner 32 lát cắt/vòng quay | |
| | II. Yêu cầu cấu hình Máy chính: 1. Khoang máy - Đường kính khoang máy: ≥ 700 mm | II. Yêu cầu cấu hình - Hệ thống máy chính, bao gồm: 01 hệ thống + Khoang máy (Gantry): 01 bộ |

Handwritten signature or mark.

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian một vòng quay nhanh nhất: $\leq 0.8s$ - Số lát cắt tối đa trên một vòng quay: ≥ 32 lát cắt - Góc nghiêng: $\geq \pm 30$ độ - Trường quan sát tối đa (FOV): $\geq 400mm$ 2. Bộ tạo cao thế <ul style="list-style-type: none"> - Dải điện áp: $\leq 80 kV$ đến $\geq 130kV$ - Công suất: $\geq 24kW$ 3. Bóng phát tia X <ul style="list-style-type: none"> - Độ trữ nhiệt bóng: $\geq 2MHU$ - Tốc độ tản nhiệt tối đa của anode: $\geq 330kHU/min$ - Cường độ dòng điện tối đa qua bóng: $\geq 225mA$ - Thời gian phát tia liên tục tối đa: ≥ 100 giây - Kích thước tiêu điểm: $\leq 0.8 \times 1.1mm$ 4. Bộ đầu thu (detector) <ul style="list-style-type: none"> - Số dây đầu thu: ≥ 16 dây - Độ rộng đầu thu: $\geq 20mm$ - Số lát cắt tối đa/vòng quay: ≥ 32 lát cắt - Tổng số chấn tử: $\geq 24,000$ ch - Độ dày lát cắt: $0.625 mm$ 5. Bàn bệnh nhân <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài bàn: $\geq 2200 mm$ - Phạm vi dịch chuyển lên xuống: $\leq 500 - \geq 880mm$ - Phạm vi chụp tối đa: $\geq 1200 mm$ - Tốc độ di chuyển bàn tối đa $\geq 100mm/s$ - Tải trọng tối đa: $\geq 180 kg$ 6. Trạm điều khiển tái tạo và xử lý hình ảnh <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Hệ thống máy tính điều khiển <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LCD hoặc tương đương: $\geq 24-inch$ - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel | <ul style="list-style-type: none"> + Bóng X-quang: 01 bộ + Bộ đầu thu (Detector): 01 bộ + Tủ phát cao thế: 01 bộ + Bàn bệnh nhân: 01 bộ + Trạm điều khiển và xử lý hình ảnh: 01 bộ - Bộ phần mềm/chức năng chụp trên trạm điều khiển: 01 bộ - Bộ phần mềm xử lý ảnh chuyên sâu trên trạm xử lý hình ảnh chuyên dụng: 01 bộ, bao gồm tối thiểu các phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> + Các chức năng xử lý, hiển thị hình ảnh 2D + Các chức năng xử lý, phân tích hình ảnh 3D + Chức năng phân tích mạch máu cơ bản + Chức năng trích xuất mạch máu não + Chức năng tái tạo và hiển thị hình ảnh theo một hướng bất kỳ + Chức năng đánh giá ngấm thái thuốc + Chức năng tái tạo và hiển thị hình ảnh cột sống - Các thiết bị phụ trợ: <ul style="list-style-type: none"> + Phantom và giá đỡ phantom cân chỉnh máy: 01 bộ + Bộ định vị bệnh nhân: 01 bộ + Đàm thoại nội bộ hai chiều: 01 bộ + Bộ lưu điện online 3kVA: 01 bộ + Áo chì: 02 cái + Bàn và ghế cho phòng điều khiển: 01 bộ + Camera và màn hình theo dõi bệnh nhân: 01 bộ + Đèn đọc phim cho bệnh nhân: 01 cái + Đèn cảnh báo phát tia: 01 cái + Bơm tiêm cản quang 1 nòng: 01 bộ + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ |

BỆNH
ĐA
S
T. L

9

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - CPU: Intel, phù hợp với hệ thống - RAM: ≥ 16 GB - Dung lượng ổ cứng: ≥ 500 GB - Chuẩn truyền hình ảnh: DICOM 3.0 hoặc tương đương - Tốc độ tái tạo: Tối đa ≥ 15 hình/giây - Hiển thị thông tin dữ liệu, tối thiểu có: <ul style="list-style-type: none"> + Tên bệnh nhân, ngày sinh, giới tính + Mã số bệnh nhân + Độ dày lát cắt + Điện áp qua bóng + Cường độ dòng điện qua bóng + Vị trí lát cắt + Trạng thái thuốc tương phản,... 6.2. Thông số chụp và chất lượng hình ảnh <ul style="list-style-type: none"> - Ma trận tái tạo: $\geq 512 \times 512$ - Hiển thị thang xám: ≥ 256 mức - Độ tương phản không gian cao: ≥ 15 lp/cm (0% MTF) 6.3. Các chế độ chụp <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ chụp định vị - Chế độ chụp thông thường (tuần tự) - Chế độ chụp xoắn ốc - Chế độ chụp dynamic 7. Phần mềm và ứng dụng của hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm xử lý lập dữ liệu thô và dữ liệu hình ảnh - Phần mềm điều biến liều tia tự động - Phần mềm/chức năng chụp cho trẻ em - Phần mềm chụp đồng độ theo ngưỡng ngấm thuốc cản quang - Phần mềm tự động phát khẩu lệnh - Phần mềm báo cáo liều tia - Chức năng xuất báo cáo liều dưới dạng DICOM - Phần mềm tái tạo chùm tia hình nón | <p>III. Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <p>Máy chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoang máy <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính khoang máy: ≥ 700mm - Thời gian một vòng quay nhanh nhất: ≤ 0.8s - Số lát cắt tối đa trên một vòng quay: ≥ 32 lát cắt - Góc nghiêng: $\geq \pm 30$ độ - Trường quan sát tối đa (FOV): ≥ 400mm 2. Bộ tạo cao thế <ul style="list-style-type: none"> - Dải điện áp: ≤ 80 kV đến ≥ 130kV - Công suất: ≥ 24kW 3. Bóng phát tia X <ul style="list-style-type: none"> - Độ trữ nhiệt bóng: ≥ 2MHU - Tốc độ tản nhiệt tối đa của anode: ≥ 330kHU/min - Cường độ dòng điện tối đa qua bóng: ≥ 225mA - Thời gian phát tia liên tục tối đa: ≥ 100 giây - Kích thước tiêu điểm: $\leq 0.8 \times 1.1$mm 4. Bộ đầu thu (detector) <ul style="list-style-type: none"> - Số dây đầu thu: ≥ 16 dây - Độ rộng đầu thu: ≥ 20mm - Số lát cắt tối đa/vòng quay: ≥ 32 lát cắt - Tổng số chân tử: $\geq 24,000$ ch - Độ dày lát cắt: 0.625 mm 5. Bàn bệnh nhân <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài bàn: ≥ 2200 mm - Phạm vi dịch chuyển lên xuống: $\leq 500 - \geq 880$mm - Phạm vi chụp tối đa: ≥ 1200 mm - Tốc độ di chuyển bàn tối đa ≥ 100mm/s - Tải trọng tối đa: ≥ 180 kg |

TIN
H VI
KHO
51
CC
*

(Handwritten signature)

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|---|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm phân tích mạch và đường khí - Phần mềm tạo ảnh và xử lý hình ảnh 3D - Chức năng tự động tạo ra hình ảnh MPR sau quá trình quét - Phần mềm/chức năng tạo hình ảnh theo mặt cắt cho phần cột sống - Phần mềm xem ảnh theo thời gian thực trong suốt quá trình quét ảnh thể tích - Phần mềm xử lý nhân đôi dữ liệu tái tạo hình ảnh - Phần mềm tối ưu hóa quá trình tái tạo - Phần mềm tiết kiệm điện - Phần mềm/chức năng hỗ trợ chẩn đoán hồng và sửa máy từ xa 8. Phần mềm/chức năng hiển thị và xử lý hình ảnh tiêu chuẩn, tối thiểu có: <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý cửa sổ: <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh WW/WL - Xử lý hình ảnh hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> + Hiển thị nhiều khung + Phóng đại (thời gian thực, etc) + Xoay hình + Hiển thị bình luận + Hiển thị ảnh cine - Xử lý phân tích hình ảnh: <ul style="list-style-type: none"> + Đo khoảng cách và đo góc + Đo, hiển thị CT Value + Đặt ROI đo đặc + Hiển thị thang xám - Hiển thị hình ảnh 3D: <ul style="list-style-type: none"> + Tái tạo đa bình diện + Hiển thị hình ảnh theo tỷ trọng tối đa, tối thiểu: MIP, MinIP + Tái tạo bề mặt + Biểu diễn thể tích | <ul style="list-style-type: none"> 6. Trạm điều khiển tái tạo và xử lý hình ảnh 6.1. Hệ thống máy tính điều khiển <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình LCD hoặc tương đương: ≥ 24-inch - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixel - CPU: Intel, phù hợp với hệ thống - RAM: ≥ 16 GB - Dung lượng ổ cứng: ≥ 500 GB - Chuẩn truyền hình ảnh: DICOM 3.0 hoặc tương đương - Tốc độ tái tạo: Tối đa ≥ 15 hình/giây - Hiển thị thông tin dữ liệu, tối thiểu có: <ul style="list-style-type: none"> + Tên bệnh nhân, ngày sinh, giới tính + Mã số bệnh nhân + Độ dày lát cắt + Điện áp qua bóng + Cường độ dòng điện qua bóng + Vị trí lát cắt + Trạng thái thuốc tương phản,... 6.2. Thông số chụp và chất lượng hình ảnh <ul style="list-style-type: none"> - Ma trận tái tạo: $\geq 512 \times 512$ - Hiển thị thang xám: ≥ 256 mức - Độ tương phản không gian cao: ≥ 15 lp/cm (0% MTF) 6.3. Các chế độ chụp <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ chụp định vị - Chế độ chụp thông thường (tuần tự) - Chế độ chụp xoắn ốc - Chế độ chụp dynamic 7. Phần mềm và ứng dụng của hệ thống: <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm xử lý lập dữ liệu thô và dữ liệu hình ảnh - Phần mềm điều biến liều tia tự động - Phần mềm/chức năng chụp cho trẻ em |

Handwritten mark or signature.

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|------------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm chụp đồng độ theo ngưỡng ngấm thuốc cản quang - Phần mềm tự động phát khẩu lệnh - Phần mềm báo cáo liều tia - Chức năng xuất báo cáo liều dưới dạng DICOM - Phần mềm tái tạo chùm tia hình nón - Phần mềm phân tích mạch và đường khí - Phần mềm tạo ảnh và xử lý hình ảnh 3D - Chức năng tự động tạo ra hình ảnh MPR sau quá trình quét - Phần mềm/chức năng tạo hình ảnh theo mặt cắt cho phần cột sống - Phần mềm xem ảnh theo thời gian thực trong suốt quá trình quét ảnh thể tích - Phần mềm xử lý nhân đôi dữ liệu tái tạo hình ảnh - Phần mềm tối ưu hóa quá trình tái tạo - Phần mềm tiết kiệm điện - Phần mềm/chức năng hỗ trợ chẩn đoán hồng và sửa máy từ xa 8. Phần mềm/chức năng hiển thị và xử lý hình ảnh tiêu chuẩn, tối thiểu có: <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý cửa sổ: <ul style="list-style-type: none"> + Điều chỉnh WW/WL - Xử lý hình ảnh hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> + Hiển thị nhiều khung + Phóng đại (thời gian thực, etc) + Xoay hình + Hiển thị bình luận + Hiển thị ảnh cine - Xử lý phân tích hình ảnh: <ul style="list-style-type: none"> + Đo khoảng cách và đo góc + Đo, hiển thị CT Value + Đặt ROI đo đặc + Hiển thị thang xám - Hiển thị hình ảnh 3D: |

7

| STT | Nội dung E-HSMT đã phát hành | Nội dung E-HSMT sửa đổi |
|-----|---|---|
| | | + Tái tạo đa bình diện + Hiện thị hình ảnh theo tỷ trọng tối đa, tối thiểu: MIP, MinIP + Tái tạo bề mặt + Biểu diễn thể tích |
| 12 | Tên thiết bị: Hệ thống mỏ mắt Phaco | |
| | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: - Thiết bị sử dụng hệ thống bơm nhu động có thể quay được theo cả 2 chiều hoặc công nghệ tương đương | III. Chỉ tiêu kỹ thuật: - Thiết bị sử dụng hệ thống bơm nhu động hoặc bơm Venturi hoặc công nghệ tương đương |

[Handwritten signature]

